

trong danh sách các Ủy viên của Hội đồng trọng tài.

**Điều 6.** — Các bên đương sự có thể cùng nhau thỏa thuận đề nghị Chủ tịch Hội đồng trọng tài Ngoại thương chọn một trọng tài chung trong danh sách các Ủy viên Hội đồng trọng tài Ngoại thương.

**Điều 7.** — Trong quá trình tố tụng trước Ủy ban trọng tài, các bên đương sự có thể tự mình, hoặc cử người thay mặt hợp pháp bên vực quyền lợi cho mình. Người thay mặt đương sự có thể là công dân nước Việt-nam dân chủ cộng hòa hoặc công dân nước ngoài.

**Điều 8.** — Hội đồng trọng tài Ngoại thương có quyền quyết định những biện pháp bảo quản cần thiết nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên đương sự.

**Điều 9.** — Hội đồng trọng tài Ngoại thương được quyền thu trọng tài phí. Trọng tài phí sẽ do Ban trị sự Phòng Thương mại quy định.

**Điều 10.** — Quyết định của Ủy ban trọng tài là quyết định chung thẩm, không thể bị khiếu nại trước bất cứ Tòa án hay tổ chức nào khác.

**Điều 11.** — Quyết định của Ủy ban trọng tài phải được các bên đương sự thi hành trong thời hạn đã quy định trong quyết định. Trường hợp quyết định của Ủy ban trọng tài không được thi hành trong thời hạn đã quy định, một trong các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án địa phương chiểu theo luật pháp buộc bên kia thi hành.

**Điều 12.** — Phòng Thương mại nước Việt-nam dân chủ cộng hòa quy định những quy tắc tố tụng trước Hội đồng trọng tài Ngoại thương.

*Hà-nội, ngày 30 tháng 4 năm 1963*

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

**QUYẾT ĐỊNH số 60-CP chỉ định các thành viên trong Ban chỉ huy chống lụt, chống bão trung ương trong năm 1963.**

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 759 — TTg ngày 8-5-1956 về việc thành lập Ban chỉ huy chống lụt, chống bão.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Ban chỉ huy chống lụt, chống bão trung ương năm 1963 gồm có :

*Trưởng ban* Ông Trần-hữu-Dực, Chủ nhiệm Văn phòng Nông nghiệp Phủ Thủ tướng

*Phó ban* Ông Hà-kế-Tấn, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi

*Ủy viên* Ông Dương-quốc-Chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp.

Ông Nguyễn-trọng-Tinh, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản.

Ông Ngô-ngọc-Du, Thứ trưởng Bộ Công an.

Ông Trần-Sâm, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh.

Ông Dương-bạch-Liên, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Ông Phan-Mỹ, Thứ trưởng Bộ Thủy lợi.

Ông Trương-việt-Hùng, Phó chủ nhiệm Văn phòng Nông nghiệp Phủ Thủ tướng.

Ông Nguyễn-Xiễn, Giám đốc Nhà Khí tượng.

Ông Ngô-huy-Vấn, Tổng cục Phó Tổng cục bưu điện truyền thanh.

*Hà-nội, ngày 3 tháng 5 năm 1963*

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

**CHỈ THỊ số 33-TTg về việc xét duyệt quỹ xí nghiệp năm 1962.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Kính gửi: Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, Các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh.*

Mấy năm qua, việc thi hành chế độ quỹ xí nghiệp đã có nhiều tác dụng: khuyến khích các xí nghiệp, công trường ra sức đẩy mạnh sản xuất, cải tiến quản lý, hoàn thành vượt mức và toàn diện kế hoạch Nhà nước; cổ vũ nhiệt tình lao động của công nhân, cán bộ; góp phần củng cố và nâng cao chất lượng hạch toán kinh tế.

Tuy nhiên, tác dụng ấy còn bị hạn chế. Một mặt vì trong điều kiện quản lý kinh tế và kế hoạch của ta còn thấp thì đánh giá việc hoàn thành hay không hoàn thành kế hoạch đối với mỗi xí nghiệp dễ quyết định cho trích hay không cho trích quỹ xí nghiệp còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan mà các Hội đồng xét duyệt quỹ xí nghiệp chưa có điều kiện cân nhắc chính xác; mặt khác, còn do các Hội đồng xét duyệt quỹ xí nghiệp chưa quán triệt đầy đủ mục đích, ý nghĩa của chế độ quỹ xí nghiệp, thường có khuynh hướng chần chừ quá đáng trong khi xét duyệt.

Nhằm khắc phục các khó khăn, thiếu sót nói trên, phát huy hơn nữa tác dụng của chế độ quỹ xí nghiệp, đề việc xét duyệt quỹ xí nghiệp năm 1962 được nghiêm túc và chặt chẽ, chỉ thị này nói rõ thêm một số điểm như sau:

## I. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC TRÍCH LẬP QUỸ XÍ NGHIỆP

Các điều kiện đó đã được quy định trong thê lệ số 133-TTg ngày 4-4-1957 và các thông tư số 434-TTg ngày 5-12-1959, số 25-TTg ngày 18-1-1961, số 34-TTg ngày 14-3-1962 của Thủ tướng Chính phủ. Các điều kiện đó là: xí nghiệp đã bước đầu thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, hoàn thành kế hoạch sản xuất, kế hoạch lợi nhuận và kế hoạch nộp lợi nhuận (do hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, năng suất lao động, giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông), không phạm phải những khuyết điểm nghiêm trọng.

Đó là những điều kiện tối thiểu không được hạ thấp bất kỳ điều kiện nào; trường hợp đặc biệt xét cần chần chừ phải được sự thỏa thuận của Bộ Tài chính (nếu là xí nghiệp trung ương) hoặc Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh (nếu là xí nghiệp địa phương).

Đề việc vận dụng các điều kiện xét duyệt quỹ xí nghiệp được thống nhất, các ngành, các cấp cần dựa vào những điểm cụ thể sau đây:

1. Phải căn cứ vào kế hoạch được Nhà nước chính thức công nhận để xét duyệt quỹ xí nghiệp. Trường hợp có điều chỉnh kế hoạch thì căn cứ vào kế hoạch được chính thức điều chỉnh vào dịp Nhà nước điều chỉnh kế hoạch chung; trường hợp cá biệt phải điều chỉnh kế hoạch nhiều lần thì căn cứ vào kế hoạch điều chỉnh cuối cùng được Nhà nước công nhận.

2. Chỉ được công nhận hoàn thành kế hoạch sản lượng (hoặc kế hoạch doanh số mua vào và bán ra, kế hoạch khối lượng phục vụ, v.v...), kế hoạch giá thành, kế hoạch phí lưu thông, v.v., nếu xí nghiệp đồng thời cũng hoàn thành các

chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của Nhà nước. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật này do các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh quy định cụ thể cho từng loại xí nghiệp.

Chỉ được công nhận hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và kế hoạch nộp lợi nhuận nếu xí nghiệp đồng thời cũng hoàn thành các nhiệm vụ nộp thuế, nộp khấu hao cơ bản, nộp tiền biển giá tài sản cố định, hoàn vốn lưu động thừa và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước đúng hạn, đúng chính sách, đúng chế độ.

3. Chỉ được công nhận hoàn thành vượt mức kế hoạch, nếu xí nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng, đồng thời cũng hoàn thành hay hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thuộc về chất lượng (giá thành, năng suất lao động, v.v...).

Chỉ được công nhận hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng nếu chất lượng mặt hàng tốt, sản phẩm tiêu thụ được, và nếu các định mức về sản phẩm dở dang, về bán thành phẩm tự chế, không vượt quá tỷ lệ tăng của sản lượng mà không có lý do chính đáng; ngoài ra, đối với những vật tư kỹ thuật do Nhà nước thống nhất quản lý và phân phối theo kế hoạch thì phải được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thỏa thuận mới được công nhận hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng.

4. Không phạm phải những khuyết điểm nghiêm trọng, nghĩa là:

— Không vi phạm các chính sách chung và các chính sách quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước mà bị cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền phê bình, cảnh cáo;

— Chấp hành nghiêm chỉnh hợp đồng kinh tế, không gây thiệt hại và ảnh hưởng xấu tới hoạt động của các xí nghiệp khác đến mức độ bị khiếu nại lên Hội đồng trọng tài và phải bồi thường;

— Không xảy ra lãng phí và tham ô nghiêm trọng;

— Không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng.

## II. MỨC KHỐNG CHẾ QUỸ XÍ NGHIỆP

Tổng mức tiền lương dùng làm căn cứ khống chế mức quỹ xí nghiệp được trích (mức tối đa cũng như tối thiểu) là tổng mức tiền lương kế hoạch chứ không phải là tổng mức tiền lương thực tế. Trường hợp có điều chỉnh kế hoạch sản xuất thì đồng thời cũng phải điều chỉnh kế hoạch tiền lương và căn cứ vào kế hoạch tiền lương điều chỉnh được Nhà nước công nhận để tính.

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684 \*  
0961132132  
LawSoft

### III. THỦ TỤC XÉT DUYỆT QUỸ XÍ NGHIỆP

Phải tôn trọng sự hướng dẫn trong thông tư số 34-TTg ngày 14 tháng 3 năm 1962 của Thủ tướng Chính phủ.

Hội đồng xét duyệt quỹ xí nghiệp chỉ được xét duyệt cho những xí nghiệp đã có đủ báo cáo quyết toán năm chính thức và đúng thời hạn; trường hợp quyết toán chậm, có lý do chính đáng, phải được sự đồng ý gia hạn (chỉ một lần) của Bộ Tài chính (nếu là xí nghiệp Trung ương) hoặc của cơ quan Tài chính địa phương (nếu là xí nghiệp địa phương).

Khi xét duyệt quỹ xí nghiệp, phải có Giám đốc xí nghiệp và Hội đồng xét duyệt quỹ xí nghiệp; phải tổ chức phân tích hoạt động kinh tế của xí nghiệp; phải phân tích các nhân tố khách quan và chủ quan đã ảnh hưởng đến mức độ và chất lượng hoàn thành kế hoạch; trên cơ sở ấy mà quyết định việc trích quỹ xí nghiệp cho hợp lý.

### IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

1. Đối với các đơn vị hạch toán kinh tế toàn ngành, khi xét duyệt quỹ xí nghiệp, phải căn cứ đầy đủ các mặt kế hoạch chủ yếu của ngành; đồng thời, khi xét phân phối quỹ xí nghiệp cho mỗi xí nghiệp, phải theo chế độ chung của Nhà nước; tránh phân phối bình quân.

2. Đối với các xí nghiệp đã thi hành chế độ thu quốc doanh thì phải tính lại số lợi nhuận (coi như chưa thu quốc doanh) để có căn cứ xét duyệt quỹ xí nghiệp.

3. Đối với các xí nghiệp công tư hợp doanh thì áp dụng chế độ quỹ xí nghiệp như các xí nghiệp quốc doanh (kể cả số tức trả cho nhà tư sản).

4. Đối với những xí nghiệp mà trong năm 1961 đã nhận quỹ xí nghiệp cao hơn chế độ và chính sách của Nhà nước thì phải trừ vào quỹ xí nghiệp năm 1962; trường hợp cần chiếu cố thì cơ quan chủ quản xí nghiệp bàn với Bộ Tài chính (nếu là xí nghiệp trung ương) hoặc Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh (nếu là xí nghiệp địa phương).

Do công tác kế hoạch hóa của mỗi ngành có những đặc điểm nhất định, Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, sau khi bàn bạc với Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ban hành các thông tư giải thích thêm.

Bộ Tài chính (và các cơ quan Tài chính địa phương) có nhiệm vụ theo dõi và góp ý kiến với các ngành trong việc xét duyệt quỹ xí nghiệp.

Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1963

K:T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

### THÔNG TƯ số 34-TTg quy định chế độ quản lý và kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương thuộc khu vực sản xuất,

Đề tăng cường công tác quản lý và kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương thuộc khu vực sản xuất, tiếp theo quyết định số 148-TTg, ngày 19 tháng 3 năm 1958 và thông tư số 049-TTg, ngày 14 tháng 2 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ, thông tư này quy định chế độ quản lý và kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương thuộc khu vực sản xuất cụ thể như sau:

1. Quản lý và kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương thuộc khu vực sản xuất, nhằm mục đích:

— Thúc đẩy các xí nghiệp và tổ chức kinh tế sử dụng hợp lý và tiết kiệm quỹ tiền lương, chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch lao động, kế hoạch tiền lương bình quân phát hiện những mặt mắt cân đối giữa các chi tiêu sản lượng, lao động và tiền lương để có biện pháp khắc phục kịp thời;

— Góp phần thực hiện đúng đắn chính sách phân phối theo lao động, khuyến khích tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và phí lưu thông, củng cố chế độ hạch toán kinh tế;

— Góp phần giữ vững cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, làm cơ sở cho việc quản lý tiền tệ, củng cố và nâng cao sức mua của đồng tiền.

2. Việc quản lý và kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương quy định trong thông tư này được áp dụng đối với các xí nghiệp công nghiệp, giao thông bưu điện, nông nghiệp, lâm nghiệp và thương nghiệp quốc doanh trung ương (trừ đơn vị kiến thiết cơ bản), và do Ngân hàng Nhà nước phụ trách.

3. Tùy theo tính chất của từng ngành, việc quản lý và kiểm soát chi tiêu quỹ tiền lương